

## Bảng Phân tích Nhu cầu Tài chính

### I. Thông tin Khách hàng:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN A Ngày sinh: 01/01/1994  
Giới tính:  Nam  Nữ  
Tình trạng hôn nhân:  Độc thân  Đã kết hôn  Ly hôn  Góa

### II. Thông tin tài chính:

Bảng phân tích này nhằm mục đích nhận diện nhu cầu tài chính và nhu cầu bảo hiểm dựa trên khả năng tài chính của Quý khách, là cơ sở để Chubb Life cung cấp giải pháp tài chính phù hợp trong danh mục sản phẩm của Công ty.

Quý khách vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây dựa trên khả năng và nhu cầu tài chính của mình.

## NHU CẦU TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nhu cầu Khách hàng quan tâm	SỐ TIỀN CẦN CÓ (1)	SỐ TIỀN ĐÃ CÓ (2)	KHOẢN THIẾU HỤT (1)-(2)
<strong>Bảo vệ tài chính</strong>				
Rủi ro Tử vong, Tai nạn, thương tật	<input checked="" type="checkbox"/>	2.000		2.000
Bệnh nan y	<input checked="" type="checkbox"/>	500		500
<strong>Tiết kiệm/Tích lũy</strong>				
Kế hoạch học vấn cho con	<input type="checkbox"/>			0
Kế hoạch tuổi hưu an nhàn	<input type="checkbox"/>			0
<strong>Đầu tư</strong>				
Đầu tư an toàn với lãi suất đảm bảo	<input checked="" type="checkbox"/>	400		400
Đầu tư linh hoạt với lợi nhuận/rủi ro không đảm bảo	<input type="checkbox"/>			0
<strong>Nhu cầu khác</strong>	<input type="checkbox"/>			0
<strong>Tổng cộng</strong>		<strong>2.900</strong>	<strong>0</strong>	<strong>2.900</strong>

## KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thông tin thu nhập (1)		Thông tin chi phí (2)	
Thu nhập bình quân hàng tháng của gia đình	100	Chi phí bình quân hàng tháng của gia đình	40
Thu nhập bình quân hàng năm của gia đình	1.200	Chi phí bình quân hàng năm của gia đình	480
<b>Khả năng tài chính = Thu nhập – Chi phí</b>		<b>720</b>	

**III. Xác nhận của khách hàng:**

- Tôi hiểu rõ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này chỉ nhằm mục đích giúp tôi nhận diện nhu cầu và mục tiêu tài chính. Thông tin này chỉ mang tính chất tham khảo và đây không phải là một văn bản mang tính kết luận. Bảng phân tích nhu cầu tài chính này được hoàn thành dựa trên các thông tin do tôi cung cấp.
- Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc lựa chọn sản phẩm bảo hiểm/kế hoạch bảo hiểm tham gia và/hoặc việc thay đổi về các giải pháp bảo hiểm trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nộp về Công ty, nếu có.

Ngày ..... Tháng ..... Năm .....	Chữ ký	Họ tên
<b>Khách hàng</b>		NGUYỄN VĂN A

Ngày ..... Tháng ..... Năm .....	Mã số	Họ tên
<b>Đại diện Kinh doanh</b>		

Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

## Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm Đóng phí 1 lần

Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm - Đóng phí 1 lần là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế để Quý khách chủ động xác định nhu cầu bảo hiểm và kế hoạch đóng phí bảo hiểm.



**Đóng phí 1 lần**  
**Bảo vệ 20 năm**



**Hoàn 50% Phí rủi ro**  
tại ngày đáo hạn



**Duy trì hiệu lực hợp đồng**  
ngay cả khi Giá trị Tài khoản  
Hợp đồng nhỏ hơn 0



**Đa dạng Quyền lợi bảo vệ**  
với các Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng  
đính kèm



# CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”)

hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ hơn 1.384 tỷ đồng.



**Trụ sở chính:** Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

## Thông tin liên hệ

Điện thoại: (84-28) 3827 8989

Hotline: (84-28) 3827 8123

Fax: (84-28) 3821 9000

E-mail: [chubblife.vietnam@chubb.com](mailto:chubblife.vietnam@chubb.com)

Website: <https://life.chubb.com/vn>

## Thông tin Đại diện Kinh doanh (ĐDKD)

Họ và Tên:

Mã số ĐDKD:

Chứng chỉ Đại lý Bảo hiểm Cơ bản:

## I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua Bảo hiểm (BMBH)	NGUYỄN VĂN A	NAM	01/01/1994	30	2
Người được Bảo hiểm (NDBH) 1	NGUYỄN VĂN A	NAM	01/01/1994	30	2

## II. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) THAM GIA

Đơn vị tính: đồng

Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm - Đóng phí 1 lần		Điều kiện Bảo hiểm(*)	Mệnh giá Bảo hiểm (MGBH)	Tuổi NDBH khi đáo hạn	Phí Bảo hiểm (Phí BH) cơ bản(**)
1	QLBH Cơ bản	S/S	500.000.000	50	51.200.000
2	QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng	S/S	500.000.000	50	17.650.000
3	QLBH thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	S/S	500.000.000	50	13.800.000
4	QLBH bệnh nan y	S/S	500.000.000	50	33.100.000

Tổng cộng: 115.750.000

Phí Bảo hiểm cơ bản (1): 115.750.000

Phí Bảo hiểm đóng thêm (2): -

Tổng số phí dự kiến đóng (3=1+2): 115.750.000

**Ghi chú:**

(\*) Điều kiện Bảo hiểm: S/S là điều kiện bảo hiểm chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.

(\*\*) Phí BH cơ bản bao gồm Phí Bảo hiểm cơ bản của Quyền lợi Bảo hiểm Cơ bản và Phí Bảo hiểm cơ bản của (các) Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng (nếu có).

❖ Khách hàng có nghĩa vụ kê khai trung thực, đầy đủ, chính xác các thông tin liên quan đến Bên mua Bảo hiểm và Người được Bảo hiểm.

❖ Các Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm - Đóng phí 1 lần, phụ lục bổ sung Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng đính kèm và các biểu mẫu, tài liệu liên quan được đăng tải tại website: <https://www.chubb.com/vn-vn/personal/single-pay-3-years-5-years-universal-life.html>.

Quý khách vui lòng truy cập theo các đường dẫn nêu trên để tìm hiểu và tham khảo nội dung thông tin chi tiết. Trường hợp cần hỗ trợ và/hoặc giải đáp các thắc mắc, Quý khách vui lòng liên hệ với Chubb Life theo các thông tin nêu tại trang 4 của tài liệu minh họa này.

**III. GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM**

<b>A. Quyền lợi Bảo hiểm (QLBH)</b>	<b>Sự kiện Bảo hiểm</b>	<b>Số tiền Bảo hiểm (đồng)</b>
<b>QLBH Cơ bản</b>	Tử vong	500.000.000 hoặc Giá trị Tài khoản Hợp đồng (lấy giá trị nào lớn hơn) (*)
<b>Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng</b>		
<b>QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng</b>	Chấn thương, bỏng hoặc tàn tật do tai nạn	% của 500.000.000 tùy theo tỷ lệ thương tật (*)
	Tử vong do Tai nạn khi đang du lịch nước ngoài do công ty du lịch của Việt Nam tổ chức	1.500.000.000 (*)
	Tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách trên phương tiện vận chuyển công cộng	1.000.000.000 (*)
	Tử vong do tai nạn	500.000.000 (*)
<b>QLBH thương tật toàn bộ và vĩnh viễn</b>	Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	500.000.000 (*)
<b>QLBH bệnh nan y</b>	Mắc bệnh Nan Y	500.000.000 (*)
<b>B. Quyền lợi đầu tư</b>	<b>Thời điểm chi trả</b>	<b>Số tiền chi trả (đồng)</b>
<b>Quyền lợi Đầu tư<sup>(1)</sup></b>	Hàng tháng	BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Quyền lợi này sẽ được đưa vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất cộng bộ nhưng không thấp hơn mức Lãi suất đảm bảo tại thời điểm chi trả.
<b>C. Quyền lợi khác</b>	<b>Thời điểm chi trả</b>	<b>Số tiền chi trả (đồng)</b>
<b>Quyền lợi đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng</b>	Đóng đủ Phí BH cơ bản của hợp đồng	Ngoại trừ trường hợp Hợp đồng Bảo hiểm mất hiệu lực do các Khoản tạm ứng cộng Phí tạm ứng vượt quá Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD), Hợp đồng Bảo hiểm được đảm bảo có hiệu lực kể từ Năm hợp đồng thứ tư đến Ngày đáo hạn ngay cả khi GTTKHD nhỏ hơn không (0) đồng
<b>Quyền lợi thưởng đặc biệt<sup>(2)</sup></b>	Ngày đáo hạn Hợp đồng Bảo hiểm	50% tổng Phí rủi ro được cộng dồn của Quyền lợi Bảo hiểm Cơ bản và (các) Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng còn hiệu lực.
<b>Quyền lợi khi Hợp đồng Bảo hiểm đáo hạn</b>	Ngày đáo hạn Hợp đồng Bảo hiểm	Giá trị Tài khoản Hợp đồng

**Lưu ý:**

(\* ) Trường hợp Sự kiện Bảo hiểm xảy ra trước khi NĐBH đạt 04 Tuổi Bảo hiểm, Số tiền Bảo hiểm chi trả sẽ được điều chỉnh giới hạn theo tuổi NĐBH được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm này.

(1) Vui lòng tham khảo Chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung của Chubb Life tại mục IV. THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

(2) Điều kiện chi trả Quyền lợi thưởng đặc biệt:

- Được Chubb Life chấp thuận Quyền lợi đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng; và
- Chubb Life chưa chi trả Quyền lợi Bảo hiểm Cơ bản hoặc bất kỳ Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng nào.

Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả của các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm.

#### IV. THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

##### 1. Chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung

Quỹ Liên kết chung là quỹ được hình thành từ nguồn phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Quỹ Liên kết chung được tách riêng khỏi quỹ chủ sở hữu và các quỹ chủ hợp đồng khác của Chubb Life. Quỹ Liên kết chung được quản lý và đầu tư phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Nhằm đảm bảo quyền lợi của Bên mua Bảo hiểm, Chubb Life cam kết thực hiện chính sách đầu tư thận trọng bằng việc tập trung đầu tư chủ yếu vào các kênh đầu tư có tính ổn định cao như: trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; tiền gửi ngân hàng dài hạn; chứng chỉ quỹ; cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh; và một số kênh đầu tư ổn định khác. Chính sách đầu tư, mục tiêu và cơ cấu đầu tư tài sản của Quỹ Liên kết chung được cập nhật thường xuyên trên Trang tin điện tử trên mạng Internet (website) của Chubb Life.

*Nội dung chi tiết về chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung của Chubb Life, Quý khách vui lòng tham khảo Điều 14 của Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm - Đóng phí 1 lần.*

##### 2. Lãi suất công bố bình quân áp dụng cho Quỹ Liên kết chung của Chubb Life trong các năm qua:

Năm	Lãi suất công bố bình quân	Phí quản lý quỹ
2019	5,49%	2,00%
2020	5,16%	2,00%
2021	4,44%	1,69%
2022	4,20%	1,66%
2023	4,50%	1,73%



V. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí BH được phân bổ	Phí rủi ro		Phí quản lý hợp đồng
		Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản	Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng	Phí BH đóng thêm	Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản	Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng	Phí BH đóng thêm		Lãi suất đảm bảo	Lãi suất giả định	
1	31	51.200	64.550	0	7.680	9.683	0	98.388	2.460	2.460	300
2	32	0	0	0	0	0	0	0	2.562	2.561	300
3	33	0	0	0	0	0	0	0	2.649	2.647	300
4	34	0	0	0	0	0	0	0	2.734	2.731	300
5	35	0	0	0	0	0	0	0	2.835	2.831	300
6	36	0	0	0	0	0	0	0	2.972	2.966	300
7	37	0	0	0	0	0	0	0	3.154	3.144	300
8	38	0	0	0	0	0	0	0	3.374	3.360	300
9	39	0	0	0	0	0	0	0	3.569	3.549	300
10	40	0	0	0	0	0	0	0	3.811	3.786	300
11	41	0	0	0	0	0	0	0	4.042	4.011	300
12	42	0	0	0	0	0	0	0	4.278	4.241	300
13	43	0	0	0	0	0	0	0	4.606	4.561	300
14	44	0	0	0	0	0	0	0	5.011	4.955	300
15	45	0	0	0	0	0	0	0	5.425	5.357	300
16	46	0	0	0	0	0	0	0	5.830	5.747	300
17	47	0	0	0	0	0	0	0	6.281	6.178	300
18	48	0	0	0	0	0	0	0	6.715	6.589	300
19	49	0	0	0	0	0	0	0	7.264	7.110	300
20	50	0	0	0	0	0	0	0	7.825	7.640	300

Lưu ý: (\*) HDBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0.

## VI. MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI SẢN PHẨM VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO				Rút tiền
		LÃI SUẤT ĐẢM BẢO				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH				
		QLBH Cơ bản	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	QLBH Cơ bản	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
1	31	500.000	0	99.503	87.928	500.000	0	99.988	88.413	0
2	32	500.000	0	100.560	88.985	500.000	0	101.558	89.983	0
3	33	500.000	0	101.570	89.995	500.000	0	103.109	91.534	0
4	34	500.000	0	102.545	90.970	500.000	0	104.658	93.083	0
5	35	500.000	0	103.444	91.869	500.000	0	106.161	94.586	0
6	36	500.000	0	103.222	93.962	500.000	0	107.593	98.333	0
7	37	500.000	0	102.810	95.865	500.000	0	108.908	101.963	0
8	38	500.000	0	102.169	97.539	500.000	0	110.075	105.445	0
9	39	500.000	0	101.304	98.989	500.000	0	111.086	108.771	0
10	40	500.000	0	100.166	100.166	500.000	0	111.901	111.901	0
11	41	500.000	0	98.759	98.759	500.000	0	112.521	112.521	0
12	42	500.000	0	97.078	97.078	500.000	0	112.949	112.949	0
13	43	500.000	0	95.005	95.005	500.000	0	113.053	113.053	0
14	44	500.000	0	92.458	92.458	500.000	0	112.758	112.758	0
15	45	500.000	0	89.415	89.415	500.000	0	112.039	112.039	0
16	46	500.000	0	85.875	85.875	500.000	0	110.901	110.901	0
17	47	500.000	0	81.764	81.764	500.000	0	109.257	109.257	0
18	48	500.000	0	77.089	77.089	500.000	0	107.119	107.119	0
19	49	500.000	0	71.716	71.716	500.000	0	104.351	104.351	0
20	50	500.000	43.699	65.617	65.617	500.000	43.211	100.928	100.928	0

## TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng số năm đóng phí:	Đóng phí 1 lần		
Số tiền nhận khi đáo hạn (Lãi suất giả định):	100.928.200 đồng	Tổng số phí đóng (dự kiến):	115.750.000 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (Lãi suất đảm bảo):	65.617.200 đồng	Tổng số tiền mặt rút (dự kiến):	0 đồng

**Ghi chú:**

- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Các lãi suất giả định trên chỉ mang tính chất minh họa.
- Lãi suất đảm bảo:** là mức lãi suất tối thiểu mà Chubb Life cam kết áp dụng cho GTTKHĐ, bất kể kết quả hoạt động đầu tư từ Quỹ Liên kết chung.

Năm hợp đồng	Từ năm 1 đến năm 5	Từ năm 6 trở đi
<b>Lãi suất tối thiểu/năm</b>	4,0%	3,0%

- Lãi suất giả định:** Trong 20 Năm hợp đồng, lãi suất giả định được minh họa là 4,5%/năm.

## VII. GIẢI THÍCH CÁC LOẠI PHÍ KHẤU TRỪ VÀ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN

### Phí ban đầu

Là khoản phí được khấu trừ từ Số tiền thực đóng tại thời điểm BMBH đóng phí và được xác định theo tỷ lệ:

Năm hợp đồng	1	2+
% của Số tiền thực đóng	15,0%	5,0%

### Phí Bảo hiểm được phân bổ

Là khoản phí phân bổ từ số tiền thực đóng sau khi trừ đi Phí ban đầu. Phí Bảo hiểm được phân bổ được nhập vào Quỹ Liên kết chung để đầu tư.

### Khoản Khấu trừ hàng tháng

Là khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHĐ (bao gồm Phí rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng). Phí rủi ro là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro của NDBH khi tham gia (các) QLBH. Phí quản lý hợp đồng hiện tại là hai mươi lăm nghìn (25.000) đồng và có thể được điều chỉnh nhưng không quá một trăm nghìn (100.000) đồng.

### Phí quản lý quỹ

Là khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Phí Quản lý quỹ tối đa là 2%/năm và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận.

### Phí chấm dứt hợp đồng

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản tại thời điểm yêu cầu chấm dứt như sau:

Năm Hợp đồng	1 - 5	6	7	8	9	10+
% của Phí BH cơ bản	10%	8%	6%	4%	2%	0%

### Giá trị Hoàn lại

Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm. Giá trị Hoàn lại được xác định là GTTKHĐ trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng, các Khoản tạm ứng và Phí tạm ứng (nếu có).

### Phí chấm dứt QLBH Gia tăng

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt QLBH Gia tăng, được tính bằng Tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản của QLBH Gia tăng tại thời điểm yêu cầu chấm dứt. Tỷ lệ phần trăm áp dụng tương tự như Phí chấm dứt hợp đồng.

## VIII. TÓM TẮT CÁC TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

### ❖ Đối với Quyền lợi Bảo hiểm Cơ bản

- Tự tử trong vòng 24 tháng từ Ngày phát hành Hợp đồng Bảo hiểm hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm lần sau cùng (nếu có);
- Nhiễm HIV, bị AIDS, hoặc những bệnh liên quan đến HIV/AIDS;
- Sử dụng trái phép các chất ma túy;
- Do hành vi vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

*Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết tại điều 12 Bản Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm - Đóng phí 1 lần.*

### ❖ Đối với Quyền lợi Bảo hiểm Tử vong hoặc Tàn tật do Tai nạn mở rộng

- Tham gia đấu đá, đánh nhau;
- Do ảnh hưởng của ma túy, các chất kích thích khác, tự tử hoặc mưu toan tự tử hoặc cố tình tự gây thương tích;
- Tham gia vào các hoạt động thể thao chuyên nghiệp;
- Do hành vi vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Tình trạng tồn tại trước;
- Các trường hợp khác như được quy định chi tiết tại Phụ lục bổ sung Quyền lợi Bảo hiểm gia tăng tương ứng.

### ❖ Đối với Quyền lợi Bảo hiểm thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

- Thương tật đã xảy ra từ trước Ngày phát hành Hợp đồng Bảo hiểm hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm gần nhất (nếu có);
- Tự gây thương tích;
- Tham gia các hoạt động hàng không;
- Do hành vi vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

*Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết tại Phụ lục bổ sung Quyền lợi Bảo hiểm gia tăng tương ứng.*

### ❖ Đối với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y

- Các bệnh lý bẩm sinh;
- Bệnh Nan Y đã được chẩn đoán, hướng dẫn điều trị trước khi kết thúc Thời hạn hoãn áp dụng;
- Các trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại danh sách các Bệnh Nan Y được bảo hiểm;
- Do hành vi vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Các trường hợp khác như được quy định chi tiết tại Phụ lục bổ sung Quyền lợi Bảo hiểm gia tăng tương ứng.

**XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM:**

- ✓ Tôi/Chúng tôi đã được Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) có tên dưới đây phân tích nhu cầu và khả năng tài chính và tư vấn đầy đủ về Quy tắc & Điều khoản, quyền lợi bảo hiểm, các trường hợp loại trừ bảo hiểm của Sản phẩm Bảo hiểm Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm - Đóng phí 1 lần trong tài liệu minh họa này.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rõ tính chất Sản phẩm Bảo hiểm Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm - Đóng phí 1 lần cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đã hiểu toàn bộ nội dung tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, hiểu rõ về Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư, các quyền lợi khác và các trường hợp loại trừ bảo hiểm khi tham gia Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc tham gia Sản phẩm Bảo hiểm Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm - Đóng phí 1 lần là một cam kết dài hạn và việc hủy bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Bên mua Bảo hiểm phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng các quyền lợi được minh họa tại Tài liệu minh họa này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư.

---

Bên mua Bảo hiểm

*(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)*

---

Chữ ký

---

Ngày/tháng/năm

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN KINH DOANH:**

Tôi cam đoan và xác nhận đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho BMBH có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa này và các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm.

---

ĐDKD tư vấn

---

Mã số ĐDKD

---

Chữ ký

---

Ngày/tháng/năm